

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833103] - Hệ thống sản xuất linh
hoạt (FMS) (CCQ2215D)
CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)

Số SV có mặt: 17...
Số bài thi:17..
Số tờ giấy thi: 17..

Nguyễn Lê Nhựt Tuyên *Đỗ Phan* *Nguyễn Lê Nhựt Tuyên* *Đỗ Phan*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt		25/04/2004	CCQ2215C		<i>Đạt</i>	8,0	8,5	8,3
2	2122150077	Nguyễn Duy Đông		15/07/2004	CCQ2215C		<i>Đông</i>	6,7	7,5	7,2
3	2122150052	Trần Minh Dương		20/04/2004	CCQ2215C		<i>Đ</i>	6,7	7,8	7,4
4	2122150065	Nguyễn Ngọc Hải		28/12/2004	CCQ2215C		<i>Hải</i>	9,7	9,5	9,6
5	2122150023	Nguyễn Quốc Hoài		08/01/2004	CCQ2215A		<i>Hoài</i>	6,6	7,5	7,1
6	2122150061	Phạm Văn Hùng		25/08/2004	CCQ2215C		<i>Hùng</i>	6,9	7,0	7,0
7	2122150060	Nguyễn Quang Huy		07/10/2004	CCQ2215C		<i>Huy</i>	9,1	9,0	9,0
8	2122150074	Trần Quang Huy		27/08/2004	CCQ2215C		<i>Huy</i>	7,5	8,0	7,8
9	2122150083	Lê Đức Lộc		23/11/2004	CCQ2215D					
10	2122150067	Nguyễn Đức Lộc		23/10/2004	CCQ2215D		<i>Lộc</i>	6,5	8,5	7,7
11	2122150089	Trương Công Lý		28/09/2004	CCQ2215D		<i>Lý</i>	6,8	7,8	7,4
12	2122150093	Nguyễn Văn Mướp		27/08/2004	CCQ2215D		<i>Mướp</i>	5,5	8,0	7,0
13	2122150072	Trần Trung Nguyên		20/07/2004	CCQ2215D		<i>Nguyên</i>	6,3	7,0	6,7
14	2122150058	Đinh Hữu Ngô Quyền		28/09/2004	CCQ2215D		<i>Quyền</i>	9,7	9,5	9,6
15	2122150059	Nguyễn Tấn Thành		16/05/2004	CCQ2215D		<i>Thành</i>	6,1	8,0	7,2
16	2122150064	Phan Chí Thiện		21/11/2004	CCQ2215D		<i>Thiện</i>	6,5	8,5	7,7
17	2122150092	Châu Thanh Trọng		22/08/2004	CCQ2215D		<i>Trọng</i>	8,5	9,0	8,8
18	2122150051	Hồ Đức Trọng		02/07/2004	CCQ2215D		<i>Tr</i>	7,5	8,5	8,1